TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2024/DS-ST
Ngày 31/7/2024
V/v "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
ÔngVõ Minh Tuấn
Ông Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên toà***:Bà Huỳnh Thị Phượng làthư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2023/TLST - DS, ngày 18 tháng 12năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2024/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S1; địa chỉ: Số B N, phường V, quận C Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Cao Hồng S – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S1– Chi nhánh huyện G - theo văn bản ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL, ngày 26/12/2022.

- *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng*: Ông Trương Lê V - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Theo văn bản ủy quyền số 16/UQ-CNHG, ngày 13/11/2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm Anh D1; sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023 và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP S1trình bày:

Vào ngày 08/11/2019, ông Nguyễn Phạm Anh D1 có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S1– Chi nhánh H, hợp đồngsử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông D1, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng;lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.6%/tháng. Sau khi cấp thẻ ông D1 đã thực hiện các giao dịch từ ngày 22/11/2019đến ngày 22/02/2022với số tiền 36.625.003 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D1đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi và phí là 40.519.066 đồng. Đến ngày 22/9/2022 ông D1đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã ra văn bản nhiều lần thông báo nhắc nhở nhưng ông D1 không trả nợ cho Ngân hàng. Ông D1đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/7/2024 thì ông D1 còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc lãi cụ thể như sau: Tiền gốc 20.899.806 đồng, tiền lãi 16.070.624 đồng, tổng cộng 36.970.430 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông D1 trả số trên. Đồng thời, yêu cầu ông D1phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Phạm Anh D1 đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về tố tụng:*

{1} Ngân hàng thương mại cổ phần S1(TMCP) Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phạm Anh D1phải thanh toán nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết,ông D1 vay với mục đích tiêu dùng nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

{2}.Về sự có mặt của đương sự: Ông Nguyễn Phạm Anh D1 là bị đơn đã được Tòa án tống đạt tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của ông D1 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với ông D1.

[2] *Về nội dung:*

{2.1} Vào ngày 08/11/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S1đã ký kết với ông Nguyễn Phạm Anh D1giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng. Như vậy, hợp đồng vay tín dụng và giấy cấp thẻ tín dụngmà các đương sự đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.

{2.2} Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng đối với ông Nguyễn Phạm Anh D1, hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ ông D1 đã thực hiện các giao dịch từ ngày 22/12/2019 đến ngày 22/02/2022 với số tiền 36.625.003 đồng. Số tiền gốc còn lại 20.899.806 đồng, Ngân hàng đã nhiều lần ra thông báo nhắc nhở nhưng ông D1 không trả nợ cho Ngân hàng. Do ông D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán vào ngày 22/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền gốc của ông D1 còn thiếu của Ngân hàng tính đến ngày 31/7/2024 là: 20.899.806 đồng. Ông D1 không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện đối với ông D1là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11 của Bộ luật dân sự năm 2015.

{2.3} Về mức lãi suất: Do các bên thỏa thuận về mức lãi suất và ký kết với nhau cụ thể tiền lãi tính từ ngày 22/2/2023 cho đến ngày xét xử 31/7/2024 là 16.070.624 đồng.

Từ những nhận định trên xử buộc ông Nguyễn Phạm Anh D1phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/7/2024 là: 36.970.430 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Phạm Anh D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

[3]Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP S1được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàngkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Ông Nguyễn Phạm Anh D1phải chịu án phí dân sự giá ngạch là:36.970.430 đồng x 5% = 1.848.521 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 đối với ông Nguyễn Phạm Anh D1.

2. Buộc ông Nguyễn Phạm Anh D1phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/7/2024 là 36.970.430 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Phạm Anh D1còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

3. Về án phí:

Yêu cầu của Ngân hàng S1được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàngkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng đã nộp là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002401 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GiồngRiềng.

Ông Nguyễn Phạm Anh D1 phải chịu án phí dân sự giá ngạch là: 1.848.521đồng (một triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày.Ngân hàng TMCP S1được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/7/2024), ông Nguyễn Phạm Anh D1được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- **TAND tỉnh**
- *VKSND huyện*
- *Thi hành án huyện*
- *UBND xã, thị*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên